

# 早稲田大学(私立大学)

## 1. Khái quát chung

➤ Địa chỉ :

1-早稲田キャンパス : 〒169-8050 東京都新宿区西早稲田1-6-1

1.政治経済学部	2.法学部	3.教育学部
4.商学部	5.社会科学部	6.国際教養学部

2-戸山キャンパス : 〒162-8644 東京都新宿区戸山1-24-1

1.第一文学部	2.第二文学部	
---------	---------	--

3-西早稲田キャンパス 〒169-8555 東京都新宿区大久保3-4-1

1.創造理工学部	2.基幹理工学部	3.先進理工学部
----------	----------	----------

4-所沢キャンパス : 〒359-1192 所沢市三ヶ島2-579-15

1.人間科学部	2.スポーツ科学部
---------	-----------

## 2. Giới thiệu về trường

### a. Các ngành học thế mạnh:

- 政治経済学部,法学部,教育学部, 商学部,国際教養学部
- 第一文学部、第二文学部
- 創造理工学部,先進理工学部
- 人間科学部、スポーツ科学部
- 国際情報通信研究科

※ Về chi tiết cụ thể ,có thể tham khảo trang web trường: <http://www.waseda.jp>

### b. Đặc trưng của trường:

- **Học tập** :Chương trình học rất nặng(đặc biệt là 理工系 đối với留学生), Mỗi tuần có thể vượt quá 25 tiết học 90 phút (có thể học cả thứ7).
- Rất chú trọng đến tiếng anh, các giờ học tiếng anh rất đa dạng, chủ yếu học với giáo viên nước ngoài..
- **Số lượng du học sinh việt nam tại trường** 合計 : 53  
学部 : 11人 ; 大学院 : 31人 (修士 19人,博士 9人,科目等履修生3人) ;  
交換留学生 :1 人
- ※ Phần lớn là du học sinh theo dạng học bổng quốc phí
- **Ngoài ra**
  - ✓ サークル: 早稲田大学 luôn được xem là trường có phong trào sinh hoạt CLB lớn mạnh nhất trong hệ thống các trường đại học của Nhật Bản. Với một hệ thống tòa nhà lớn cho sinh hoạt, và các sân chơi trong khuôn viên.

## 3. Cuộc sống đại học

### a. Chỗ ở

- **Nhà thuê**: Khá đắt đỏ, ít nhất 3,5 万円/tháng (Nếu sống khu vực ngoài trung tâm thì rẻ hơn)
- **Ký túc xá**: có nhưng hầu như không khác gì so với thuê ở ngoài.

### b. Baito

Vì ở trung tâm Tokyo nên kiếm việc làm thêm không khó khăn. Tuy nhiên, sinh viên学部 thường rất ít thời gian làm thêm vì chương trình học khá nặng.

### c. Đi lại

rất thuận tiện vì các Campus thường có ga bên cạnh., ngoài ra còn có hệ thống xe bus đưa đón miễn phí.

**d. Vật giá , sinh hoạt phí**

- ✓ Chủ yếu nên ăn trong trường vì đồ ăn ngon và giá cả vừa phải(500円/suất)

**e. Các hoạt động khác:**

- ✓ **Hoạt động tập thể** :Các hoạt động của DHSViệt Nam tại trường: đá bóng, hội chụp ảnh, dã ngoại,..

**f. Học bổng,miễn giảm**

➤ **Học bổng**

- ✓ Rất đa dạng ,nhưng do số lượng du học sinh đông nên chủ yếu dựa vào thành tích học tập để xét học bổng(năm thứ nhất rất hiếm người nhận được học bổng)
- ✓ **Bạn có thể tham khảo tại Home Page**

[http://www.waseda.jp/cie/pdf/lifeatwaseda/scholarship\\_lodges/scholarship\\_jp.pdf](http://www.waseda.jp/cie/pdf/lifeatwaseda/scholarship_lodges/scholarship_jp.pdf)

➤ **Các loại tiền**

- ✓ Tiền học năm 1 :

学部名 学科名等	国際教養 学部	文化構想 学部	文学部	基幹理工 学部	創造理工学部				先進理工 学部
					建築学科	総合機械工学科 社会環境工学科	経営システム 工学科	環境資源 工学科	
入学時 (前期)	入学金	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
	授業料	568,000	400,000	400,000	552,500	552,500	552,500	552,500	552,500
	教育環境整備費	80,000	80,000	80,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
	実験実習料				30,000	44,000	47,000	40,000	48,000
	基礎教育充実費	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000
	学生読書室 図書費		500	500					
	学生会入会金								
	学生会年会費								
	学生健康増進 互助会費	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
	<b>入学時(前期)</b>	<b>949,500</b>	<b>782,000</b>	<b>782,000</b>	<b>1,009,000</b>	<b>1,023,000</b>	<b>1,026,000</b>	<b>1,019,000</b>	<b>1,027,000</b>
後 期	授業料	568,000	400,000	400,000	552,500	552,500	552,500	552,500	552,500
	教育環境整備費	80,000	80,000	80,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
	実験実習料				30,000	44,000	47,000	40,000	48,000
	学生読書室 図書費		500	500					
	学生会年会費								
	学生健康増進 互助会費	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
<b>後期</b>	<b>649,500</b>	<b>482,000</b>	<b>482,000</b>	<b>709,000</b>	<b>723,000</b>	<b>726,000</b>	<b>719,000</b>	<b>727,000</b>	<b>729,000</b>
<b>初年度合計</b>	<b>1,599,000</b>	<b>1,264,000</b>	<b>1,264,000</b>	<b>1,718,000</b>	<b>1,746,000</b>	<b>1,752,000</b>	<b>1,738,000</b>	<b>1,754,000</b>	<b>1,758,000</b>

- ✓ **Tiền học phí** : Học phí từ năm 2, tham khảo trên web của trường or năm 1 trừ 30 man nhập học sẽ ra số gần đúng.

- ✓ **Miễn giảm** :

- **Miễn giảm tiền nhập học**: Dành cho những học sinh đạt thành tích xuất sắc trong kỳ thi nhập học.
- **Giảm tiền học phí** : Có các mức giảm 20%, 40%, 50%

#### 4. Thi cử

##### a. Lịch thi năm 2011 年度学部外国学生入学試験日程

	学部	出願期間	学部試験／合格者発表
A O 入 試	政治経済学部		[学科試験] 2011年10月23日(日) [学科試験合格者発表] 2011年11月4日(金) [面接試験] 2011年11月20日(日) [合格者発表] 2011年11月24日(木)
	法学部		2011年 7月18日(月) ～7月29日(金) 【郵送必着】
教育学部(※1)			
商学部			
基幹理工学部			
創造理工学部			
先進理工学部			
人間科学部			
学 部 独 自 試 験	文化構想学部	2011年 10月10日(月) ～10月17日(月) 【郵送必着】	[学科試験,面接試験,合格者発表] 2011年11月23日(水・祝)～2012年1月20日(金)
	文学部		
	社会科学部		
	スポーツ科学部(※2)		

##### b. Môn thi :

※ Tham khảo 入試要項 thông qua trang web:

<http://www.waseda-iao.jp/waseda/j/index.html>

Thời gian làm hồ sơ nhập học Vào giữa tháng 3 năm 2012

##### c. Kinh nghiệm thi:

• **Đề thi:** ( bạn có thể yêu cầu 過去問 ở trường )

Mình thi 理系 nên chỉ nói qua về phần thi này thôi .

• **Thời gian**

Toán: 90 phút, lí + hóa: 90 phút, English: 90 phút, 面接: 20 分

• **Nội dung thi:**

+Toán: 6 bài.

+Lý: 2 bài lớn, mỗi bài bao gồm nhiều câu nhỏ( tổng cộng 2 bài là 10 câu)

+Hóa: 4 câu

\*Phạm vi: kiến thức cơ bản + nâng cao, bao gồm toàn bộ kiến thức cấp 3, đề thi mỗi năm mỗi khác nên cần nắm chắc kiến thức cấp 3.

+English : Hình thức thi giống thi toefl + một bài viết luận. Nội dung chủ yếu xoay quanh các vấn đề xã hội hoặc trường hợp giả định

( bạn có thể tham khảo 過去問 do trường phát Free )

+Phòng vấn : Hầu hết là do chủ nhiệm khoa và giáo viên chủ chốt phỏng vấn.

Hình thức : 学生 1 : 教師 3～5

Nội dung : không đi sâu vào ngành học mà chỉ đánh giá xem với tính cách , lập trường và ước mơ của bạn thì bạn có thể theo ngành này được hay không.

• **Kinh nghiệm :**

a. **Ôn thi toán lí hóa:** Mình chú trọng ôn thi vào trường này từ cuối tháng 5

Chủ yếu là làm 過去問 rồi từ đó học rộng & nắm kiến thức cả chương bao gồm phần

đó ,chủ yếu học theo kiểu suy luận  $A \Rightarrow B$  chứ ko theo kiểu học để nhớ cả A&B

**b.Tiếng anh** : Làm lại 過去問、làm tới đâu nhớ luôn ngữ pháp tới đó. Nếu làm hết tất cả 過去問+ hiểu ngữ pháp của nó thì ok !

**c.面接** : Mình chỉ học theo sườn của các thầy cô trên trường nhật ngữ cho (đúng tới 70%). Ngoài ra mình nghĩ bạn nên chuẩn bị kiến thức cơ bản về môn học của mình (với trình độ của người học hết cấp 3).Point trong bài phỏng vấn là có thể so sánh được tình hình của VN và Nhật về lĩnh vực đó.

Về phong cách phỏng vấn, nhiều người cứ quan niệm phải quy cách, nhưng mình lại nghĩ : dù quy cách nhưng hãy tạo ra không khí của một cuộc nói chuyện. “Giáo sư cần biết bạn với tính cách và khả năng diễn giải bạn có thể trở thành một nhà kinh doanh hay không chứ ko phải là kiểm tra xem bạn có thuộc bài hay chưa”. Trong khi phỏng vấn có thể dùng tay để diễn giải cho lời nói, mình đã đặt một vài câu hỏi lại với thầy cô phỏng vấn , và được các thầy cô giảng giải cụ thể ngay tại chỗ, cho nên thời gian phỏng vấn của mình đã kéo dài hơn bình thường rất nhiều..

• **Khuyết điểm đã gặp trong đợt thi vào đại học :**

+ Chủ quan , thời gian ôn luyện quá ít

+Ôn thi toefl không kĩ , nên đã gặp nhiều khó khăn trong việc ôn thi đại học

## 5. Liên hệ

STT	Họ và tên	Ngành học	Năm học	Khóa DD	Tel
1	Nguyễn Trọng Mão	経営システム工学科	B 4	2006	080-4069-2212

## 6. Lời kết

Sau 2 năm qua Nhật, vừa làm vừa học tiếng nhật, đây là lúc để bạn chứng tỏ bản thân của mình. Có thể nói đây là bước ngoặt lớn nhất trong mỗi du học sinh. Nó không những quyết định học cái gì, học ở đâu trong 4 năm đại học mà còn phần nào quyết định cho tương lai của bạn. Vì vậy các bạn nên phân tích bản thân, mình thích gì, muốn gì, và có khả năng làm gì. Từ đó làm tiền đề cho việc chọn ngành, chọn trường. Hãy dừng để sau này phải hối hận về những quyết định của các bạn. Các senpai, những người đi trước sẽ luôn sát cánh cùng các bạn, giúp ích cho các bạn rất nhiều. Hãy tìm hiểu, hãy hỏi tất cả những gì bạn chưa biết và khi đó bạn sẽ biết tất cả.

Mình tin rằng sau 2 năm học tiếng Nhật và toán lý hóa thì mỗi bạn đều rút ra được cho mình một kinh nghiệm học riêng phù hợp với chính bản thân mình. Trong việc học, mỗi người sẽ có cách tiếp thu khác nhau nên quá trình ôn luyện để đạt hiệu quả là khác nhau. Hãy cố gắng kết hợp khả năng, hoàn cảnh của bản thân với những phương pháp học mà mọi người đã đưa ra. Nếu cố gắng và có niềm tin thì sẽ thành công .

Thành công không bao giờ đến với những kẻ lười biếng và không có niềm tin.

Chúc tất cả mọi người có một kì thi thành công như mong muốn !

## 7. Phụ trách viên:

Nguyễn Trọng Mão

Tel : 080 4069 2212

Mail : [trongmao@fuji.waseda.jp](mailto:trongmao@fuji.waseda.jp)